TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 529/2022/HS-PT
Ngày 11 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 325/2022/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn X, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12. Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1967 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Z, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, An là con thứ N1; Bị cáo có vợ là bà Đinh Thị Kim H, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2020;

Nhân thân: Ngày 19/4/2011, Nguyễn Văn X bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 07 năm 06 tháng tù, về tội "Cướp tài sản" theo khoản 2 Điều 133 và 10 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt cho 02 tội là 08 năm 04 tháng tù. Đến ngày 12/3/2017, An chấp hành xong hình phạt tù;

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2021 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc L (Cu), sinh năm 1995 tại Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 08/12. Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Nơi cư trú: ấp T2, xã Đ 61, huyện T1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1977 và bà Phan Thị N, sinh năm 1975; Gia đình có 03 anh em, L là con thứ N1 và chưa có vợ con;

Tiền sự: Ngày 21/12/2018, Nguyễn Ngọc L bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 01 năm 06 tháng. Đến ngày 21/8/2019, L được Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại;

Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 20/7/2011, Nguyễn Ngọc L bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội "Cướp tài sản" theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến ngày 17/6/2013, L chấp hành xong Bản án. Ngày 25/11/2013, Nguyễn Ngọc L bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm 08 tháng tù, về tội "Giao cấu với trẻ em" theo khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến ngày 15/3/2015, L chấp hành xong Bản án.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2021 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1975 – Có mặt.

Địa chỉ: Số 27, ấp T2, xã Đ 61, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Văn X:* Ông Trịnh Bá T3, Luật sư Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Ngọc L:* Ông Vũ Đình Q, Luật sư Văn phòng Luật sư T4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01 năm 2021, Nguyễn Văn X; Nguyễn Ngọc L; Trần Quang N1 sinh năm 1991, cư trú tại ấp T, xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Nai và Mã Thiên V sinh năm 1987, cư trú tại ấp 4, xã lộ 25, huyện T5, tỉnh Đồng Nai là bạn nghiện thường hay sử dụng chung ma túy với nhau tại nhà của N1. Trong quá trình sử

dụng ma túy ở nhà N1, thì X rủ L khi nào có người báo đi nhận ma túy, thì L đi nhận dùm, L đồng ý.

Vào giữa năm 2020, X có quen biết với Nguyễn Trần N2 và ngày 29/01/2021, X đã 02 lần được đối tượng N2 rủ đến khu vực thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, để phân lẻ ma túy và thử ma túy đá để đánh giá chất lượng dùm, rồi N2 cho X ma túy đá để sử dụng.

Khoảng 20 giờ ngày 04/02/2021, N2 điện thoại qua mạng xã hội Telegram cho X thông báo có 02 ba lô ma túy đá chuẩn bị về đến thị trấn D, huyện T5, tỉnh Đồng Nai, N2 kêu X tìm người ra nhận, X đồng ý, rồi X điện thoại rủ L đến nhà N1 chơi. Khi đến nơi, thì X gặp N1, L, V và X đưa cho L 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để mua ma túy về cho cả nhóm cùng sử dụng, L liên lạc đối tượng tên Bơ (không rõ lai lịch) mua ma túy nhưng không được, nên L đưa tiền lại cho N1, N1 cầm tiền đi đến khu vực tái định cư thuộc ấp T, xã B, huyện T1, gặp người tên Dũng (chưa rõ lai lịch) mua 01 gói ma túy, với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và N1 mang về nhà cho cả nhóm sử dụng chung. Sau khi sử dụng ma túy xong, X điều khiển xe môtô biển số 60H1-215.78 đi về trước, còn V điều khiển xe môtô biển số 60B8-37.173 chở L đi về sau.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, N2 tiếp tục điện thoại thông báo cho X biết có người tên Mỳ Tôm (chưa rõ lai lịch), có số điện thoại di động 0971.478.815 đã vận chuyển 02 ba lô ma túy đá đến khu vực thị trấn D, huyện T5, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, Mỳ Tôm gọi điện thoại di động cho X thông báo đã mang 02 ba lô ma túy đá đến trước cổng khách sạn V1, thuộc khu phố L1, thị trấn D, huyện T5. Lúc này, X dùng số điện thoại di động 0365.823.941 liên lạc cho L theo số điện thoại 0965.415.422 và kêu L đến địa điểm trên gặp Mỳ Tôm để nhận ba lô ma túy mang về cho X, đồng thời X chia sẻ định vị vị trí nhận ma túy qua mạng xã hội zalo cho L, L đồng ý, rồi X điều khiển xe môtô biển số 60H1-215.78 quay lại nhà N1 đợi L. Còn L nhờ V chở L đến Công ty Kenda thuộc Khu công nghiệp Giang Điền gặp anh Nguyễn Ngọc P(em ruột L) mượn xe môtô biển số 60H1-216.09 đi công việc (anh P và V không biết việc L đi nhận ma túy) và L kêu V quay lại nhà N1 ngồi đợi.

Đến khoảng 00 giờ ngày 05/02/2021, X đến nhà gặp N1 và đưa cho N1 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) để mua ma túy về sử dụng, N1 tiếp tục đi gặp tên Dũng (chưa rõ lai lịch trên) mua 01 gói ma túy, với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) mang về cùng X, V sử dụng hết 01 phần ma túy.

Đến 01 giờ 05 phút ngày 05/02/2021, L điều khiển xe môtô biển số 60H1-216.09 đi đến đoạn đường trước khách sạn V1 thì gặp Mỳ Tôm, Mỳ Tôm liền mang 02 ba lô bên trong có chứa 20 gói ma túy đá đến giao cho L, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang L cùng toàn bộ số ma túy đá, còn Mỳ Tôm nhanh chóng lên xe môtô (chưa rõ biển số) chạy thoát. Tang vật quả tang thu giữ gồm: 01 ba lô màu xám cùng 01 ba lô màu xanh, bên trong có chứa 20 gói tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu

Samsung A9, có kèm theo sim số 0965.415.422; 01 xe môtô biển số 60H1-216.09.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn X đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Riêng Nguyễn Ngọc L vẫn khai nhận hành vi biết việc Nguyễn Văn X nhờ đi đến khu vực trước cổng khách sạn V1, thuộc khu phố L1, thị trấn D, huyện T5, tỉnh Đồng Nai, để nhận ba lô bên trong có chứa ma túy dùm X, nhưng sau đó L khai nại không biết việc X kêu đi nhận ba lô bên trong có chứa ma túy. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định L là người giúp sức X thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 02 ba lô ma túy nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 315/KLGĐ-PC09 ngày 08/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Tinh thể màu trắng chứa trong 20 gói được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 19.780,82 gam (Bút lục số 22).

Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 05/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Văn X và thu giữ của X gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo có số thuê bao 0365.823.941 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số Imei 353022092492401 kèm theo số thuê bao 0329.551.058; 01 thẻ Vietcombank mang tên Đinh Thị Kim H; 01 thẻ Viettel Pay mang tên Nguyễn Văn X; 01 xe mô tô biển số 60H1-215.78. Đồng thời, khám xét khẩn cấp nhà của Trần Quang N1 tại ấp T, xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Nai, thu giữ 01 gói nylon bên trong có dính chất bột màu trắng là ma túy mà trước đó N1, An, V sử dụng còn lại; 01 chai nhựa gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh bị vỡ phần đầu; 01 cái kéo (Bút lục số 34).

Tại Kết luận giám định số 322/KLGĐ-PC09 ngày 09/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu chất bột màu trắng dính trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,00347 gam. Mẫu vật đã sử dụng hết trong công tác giám định (Bút lục số 29).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 15/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn X và Nguyễn Ngọc L phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/02/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/02/2021.

Tiếp tục giam giữ các bị cáo Nguyễn Văn X và Nguyễn Ngọc L để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2022 bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Hai bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L cho rằng không biết số lượng tang vật vì X nhờ vận chuyển không biết là ma túy. Căn cứ biên bản bắt quả tang, kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng thì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hai bị cáo về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội. Số lượng ma túy các bị cáo vận chuyển rất lớn. Các bị cáo kháng cáo không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn X trình bày: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong hồ sơ có đối tượng là N2 (Nguyễn Trần N2). Bị cáo nói vận chuyển cho N2 nhưng N2 không thừa nhận. Bị cáo vận chuyển ma túy cho ai chưa làm rõ. N2 không nói chi phí vận chuyển, số lượng ma túy bao nhiêu. Án sơ thẩm xét xử bị cáo X là đúng người. Việc vận chuyển hay tàng trữ trái phép chất ma túy chưa rõ. Khi bắt quả tang L, qua xét hỏi mới bắt bị cáo X. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn X trình bày: Đồng ý với ý kiến của người bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc L trình bày: Trong vụ án này, L tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Luật sư thống nhất quan điểm Viện kiểm sát là L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm gia đình có công Cách mạng. Bác ruột của Nguyễn Ngọc L là liệt sĩ Phạm Văn Đ1, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 31/3/1970; ông nội của Nguyễn Ngọc L là cụ Nguyễn Văn C đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến ngày 14/6/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 cấp cho cụ Nguyễn Văn C(bản sao). Chú ruột của Nguyễn Ngọc L là Nguyễn Văn N3 là thương binh, tỷ lệ thương tật 65% và được Chủ tịch Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam tặng Huy chương Chiến sĩ Giải phóng, đã làm tròn nhiệm vụ trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Bản thân L là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân xã Đ 61, huyện T1 xác nhận ngày 18/4/2022; Hợp đồng lao động ngày 01/11/2019 với Công ty Cao su Kenda; Đơn xin cứu xét của gia đình mẹ ruột L gồm có đơn của mẹ là bà Phan Thị N, cha là ông Nguyễn Văn M, bà nội là Nguyễn Thị T6, ông nội là Nguyễn Văn C, bà ngoại là Lê Thị

Đ2, ông ngoại là Phan C1, cô ruột là Nguyễn Thị T7, em ruột là Nguyễn Ngọc P, em dâu là Phạm Hoàng Z1, của người làm chứng Mã Thiên V xin giảm án cho Nguyễn Ngọc L để có cơ hội cải tạo tốt.

Theo điểm 5 mục 1 Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao khi xét xử tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có cung cấp hồ sơ cho Tòa án và Viện kiểm sát, có biên nhận. Trong vụ án này, L bị rủ rê, chỉ tham gia đồng phạm giúp sức X thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tiền án, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội khi tuổi đời còn quá trẻ, nhận thức còn non trẻ, thiếu cân nhắc trong suy nghĩ và hành động. Bị cáo mới sử dụng ma túy, khả năng làm chủ hành vi là bồng bột. Tuổi thơ có nhiều thiệt thòi, gia đình khó khăn, học lớp 8 nghỉ học giúp đỡ gia đình. L là con hiếu thảo quan tâm đến ông bà, cha mẹ, quan tâm đến bé N4 là em của L. Bị cáo đối xử tốt với hàng xóm, láng giềng, giúp đỡ người khó khăn, được nhiều người viết đơn xin cứu xét tha tội chết. Luật sư tin tưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, lương tháng làm công nhân trên 4 triệu đồng, L đã đưa cho mẹ 1/2 giúp đỡ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nguyên tắc khoan hồng, tích cực hợp tác cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết, phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa hình phạt, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh cụ thể của bị cáo, nguyên tắc xử lý khoan hồng để bị cáo hưởng chính sách khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L trình bày: Thống nhất ý kiến của người bào chữa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là người giúp sức cho X thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không biết rõ số lượng ma túy. Khi Công an bắt, bị cáo biết việc giúp sức là sai, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tranh luận: Luật sư đã thống nhất tội danh và hành vi phạm tội. Các chứng cứ trong hồ sơ đã rõ. Số lượng ma túy của các bị cáo là đặc biệt lớn. Lượng ma túy từ 100 gam trở lên có thể áp dụng mức hình phạt tử hình. Các luật sư đưa ra các tình tiết giảm nhẹ không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bà N (mẹ bị cáo) trình bày: Mong Hội đồng xét xử công minh, đúng pháp luật. Cháu vô tình mà xét xử mức án quá cao. Gia đình biết bị cáo sử dụng ma túy, có khuyên. Mức án tuyên cháu cầm giúp gần 20 kg ma túy, gia đình rất bất ngờ, xin giảm nhẹ hình phạt cho cháu. Cháu còn trẻ, non dại, mức án cao, tội nghiệp cháu. Cháu chỉ nghiện ma túy, chứ không có vận chuyển ma túy. Khi Công an dẫn về, cháu có nói bị bạn lừa, mẹ tin tưởng.

Bị cáo Nguyễn Văn X không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc L nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại. Bị cáo là người giúp sức tích cực, không được hưởng lợi gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu.

Nguyễn Văn X là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, X có quen biết một đối tượng tên Nguyễn Trần N2. N2 kêu X cho số tài khoản để người khác chuyển tiền cho N2 sau đó X lấy ra đưa cho N2 hoặc chuyển vào số tài khoản khác theo yêu cầu, N2 cho tiền X tiền công và phí chênh lệch chuyển tiền. Ngoài ra N2 còn cho tiền, ma túy để X sử dụng, lúc cần N2 còn nhờ X đi Bình Dương để thử ma túy.

Khoảng 20 giờ ngày 04/02/2021, X nhận được điện thoại của N2 nhờ đi nhận ma túy, X nhận lời và kêu Nguyễn Ngọc L là đối tượng nghiện ma túy và thường xuyên sử dụng ma túy với X đi nhận ma túy, L đồng ý đi nhận ma túy. Vào lúc 01 giờ 05 phút ngày 05/02/2021, Nguyễn Ngọc L có hành vi điều khiển xe môtô biển số 60H1-216.09 đến khu vực trước cổng khách sạn V1, thuộc khu phố L1, thị trấn D, huyện T5, gặp đối tượng Mỳ Tôm (chưa rõ lai lịch) để nhận 02 ba lô bên trong có chứa 19.780,82 gam ma túy, loại Methamphetamine vận chuyển mang về giúp cho Nguyễn Văn X, để X giao lại cho người khác nhằm mục đích hưởng lợi tiền công, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang L. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành bắt khẩn cấp đối với X.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm hại sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ cộng đồng và trật tự trị an toàn xã hội.

Đối với Nguyễn Văn X đã khai nhận tội tại Bút lục 122 X xác nhận có gửi tin nhắn cho L và Mỳ Tôm để L liên lạc với Mỳ Tôm nhận ma túy. Bút lục 124, 125, 126 X khai có nói với L tại nhà N1 là đi nhận ma túy đá. Bút lục 163, 164, 165 và 167 trích xuất hình ảnh X đi thử ma túy cho N2 tại Bình Dương. Tại bản

tự khai (Bút lục 118, 119) X thừa nhận có nhận điện thoại của N2 kêu đi nhận ma túy và X có gọi điện thoại cho L đi nhận ma túy.

Đối với Nguyễn Ngọc L bị Công an bắt quả tang vận chuyển 02 ba lô ma túy (Bút lục 324). Tại Bút lục 325, bị cáo khai: Tôi vừa xếp ma túy lên xe thì Công an bắt. Bút lục 326, L thừa nhận hành vi vận chuyển ma túy là vi phạm pháp luật. Bút lục 330, L khai: là đối tượng sử dụng ma túy nên chúng tôi dùng tiếng lóng (mua đồ) tức là ma túy. Khi X kêu đi lấy đồ là tôi hiểu là đi lấy ma túy. Bút lục 335, tôi ý thức được trong ba lô sẽ có ma túy dạng đá nhưng không biết nhiều hay ít.

Bị cáo X chính là người rủ rê L thực hiện việc đi nhận ma túy, mọi hành vi, hành trình đi nhận ma túy đều do X chỉ dẫn và L biết rất rõ là đi nhận ma túy nhưng không rõ số lượng ma túy nhận.

Bị cáo X và bị cáo L có nhân thân xấu. Bị cáo L tham gia với vai trò đồng phạm. Khối lượng ma túy vận chuyển rất lớn 19.780,82 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo có bổ sung các tài liệu gồm có: Bác ruột của Nguyễn Ngọc L là liệt sĩ Phạm Văn Đ1, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 31/3/1970; ông nội của Nguyễn Ngọc L là cụ Nguyễn Văn C đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, được hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến ngày 14/6/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 cấp cho cụ Nguyễn Văn C(bản sao). Chú ruột của Nguyễn Ngọc L là Nguyễn Văn N3là thương binh, tỷ lệ thương tật 65% và được Chủ tịch Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam tặng Huy chương Chiến sĩ Giải phóng, đã làm tròn nhiệm vụ trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Bản thân L là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân xã Đ 61, huyện T1 xác nhận ngày 18/4/2022; Hợp đồng lao động ngày 01/11/2019 với Công ty Cao su Kenda; Đơn xin cứu xét của gia đình mẹ ruột L gồm có đơn của mẹ là bà Phan Thị N, cha là ông Nguyễn Văn M, bà nội là Nguyễn Thị T6, ông nội là Nguyễn Văn C, bà ngoại là Lê Thị Đ2, ông ngoại là Phan C1, cô ruột là Nguyễn Thị T7, em ruột là Nguyễn Ngọc P, em dâu là Phạm Hoàng Z1, của người làm chứng Mã Thiên V xin giảm án cho Nguyễn Ngọc L để có cơ hội cải tạo tốt.

Ngoài ra, hồ sơ thể hiện có Quyết định số 05/QĐ-XPHC ngày 15/02/2021 của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Công an tỉnh Đồng Nai xử phạt tiền Nguyễn Văn X đã tàng trữ trái phép chất ma túy 0,00348 gam ma túy loại Methamphetamine chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự (Bút lục 108). Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 15/02/2021 xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền đối với Nguyễn Ngọc L đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Bút lục 320).

Hành vi của bị cáo X, L có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội là đặc biệt lớn. Hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật.

[3.3] Bị cáo X và bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có cơ sở. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo X và bị cáo L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn X và Nguyễn Ngọc L. Giữ nguyên án sơ thẩm.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17; Điều 40; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

1.2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17; Điều 40; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L tử hình về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Tiếp tục giam các bị cáo Nguyễn Văn X và Nguyễn Ngọc L theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Văn X và bị cáo Nguyễn Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị kết án Nguyễn Văn Xvà Nguyễn Ngọc L được gửi đơn lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án Tử hình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (để tống đạt cho bị cáo);
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương